TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 1, ngày 01 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phan Văn T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Số 245/83/9 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị Trung H, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Số 245/83/9 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn yêu cầu đề ngày 08/01/2019, ông T, bà H cùng yêu cầu Tòa án giải quyết việc thuận tình ly hôn. Ông T, bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển số I ngày 26/11/2001, nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà H là hợp pháp. Theo ông T, bà H cùng trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T, bà H thỏa thuận giao 02 con chung tên Phan Lê

Thanh L (giới tính nữ), sinh ngày 02/5/2002 và Phan Lê Quỳnh G (giới tính nữ), sinh ngày 29/7/2004 cho bà Lê Thị Trung H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn T và bà Lê Thị Trung H thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển số I do Uỷ ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2001).

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao 02 con chung tên Phan Lê Thanh L (giới tính nữ), sinh ngày 02/5/2002 và Phan Lê Quỳnh G (giới tính nữ), sinh ngày 29/7/2004 cho bà Lê Thị Trung H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Trung H không yêu cầu ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Văn T và bà Lê Thị Trung H xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Phan Văn T và bà Lê Thị Trung H chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0007141 ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phan Văn T và bà Lê Thị Trung H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND phường Y, Quận Z;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Mạnh